

THỰC TRẠNG SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN THEO PHƯƠNG THỨC TRẢI NGHIỆM Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TẠI PHƯỜNG TĂNG NHON PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Trường Vũ

Trường THCS Trần Quốc Toản, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp.HCM

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu thực trạng sử dụng các phương pháp dạy học theo phương thức trải nghiệm trong môn Khoa học tự nhiên tại các trường trung học cơ sở ở phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh. Kết quả khảo sát cho thấy giáo viên đánh giá mức độ thực hiện các phương pháp này ở mức thường xuyên và hiệu quả khá cao, trong khi học sinh nhận định ở mức trung bình. Nghiên cứu cũng chỉ ra mối tương quan chặt chẽ giữa tần suất sử dụng và hiệu quả dạy học ($r = 0,834$; $p < 0,01$). Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức dạy học trải nghiệm trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

Từ khóa: Dạy học trải nghiệm, khoa học tự nhiên, trung học cơ sở, phương pháp dạy học.

CURRENT SITUATION OF USING EXPERIENTIAL TEACHING METHODS IN NATURAL SCIENCES AT JUNIOR HIGH SCHOOLS IN TANG NHON PHU WARD, HO CHI MINH CITY

Abstract: This article studies the current situation of using experiential teaching methods in Natural Sciences at junior high schools in Tang Nhon Phu Ward, Ho Chi Minh City. Survey results show that teachers rate the frequency and effectiveness of these methods as quite high, while students rate them as average. The study also showed a strong correlation between frequency of use and teaching effectiveness ($r = 0.834$; $p < 0.01$). Based on this, the article proposes several solutions to improve the effectiveness of experiential learning in the context of current educational reforms.

Keywords: Experiential learning, natural science, lower secondary school, teaching methods.

Nhận bài: 22/03/2026

Phản biện: 17/04/2026

Duyệt đăng: 20/04/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học, trong đó nhấn mạnh vai trò của các phương pháp dạy học tích cực, đặc biệt là dạy học theo phương thức trải nghiệm. Trong môn Khoa học tự nhiên, việc tổ chức cho học sinh tham gia vào các hoạt động trải nghiệm như thí nghiệm, quan sát, giải quyết vấn đề hay nghiên cứu khoa học giúp tăng cường khả năng tư duy, khám phá và vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Tuy nhiên, thực tế triển khai cho thấy việc áp dụng các phương pháp này chưa đồng đều và còn tồn tại sự khác biệt trong nhận thức giữa giáo viên và học sinh. Do đó, việc khảo sát thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả là cần thiết.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Khái niệm dạy học theo phương thức trải nghiệm

Dạy học theo phương thức trải nghiệm (Experiential Learning) là cách tiếp cận giáo dục trong đó người học tiếp thu kiến thức, hình thành kỹ năng và thái độ thông qua việc tham gia trực tiếp vào các hoạt động thực tiễn. Theo lý thuyết học tập trải nghiệm của David Kolb (1984), quá trình học tập diễn ra theo một chu trình gồm bốn giai đoạn: trải nghiệm cụ thể, quan sát phản tư, khái quát hóa và vận dụng vào thực tiễn.

Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, dạy học trải nghiệm không chỉ dừng lại ở việc “học đi đôi với hành” mà còn hướng tới việc phát triển toàn diện năng lực người học, đặc biệt là năng lực tự học, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề. Đây là một trong những xu hướng đổi mới quan trọng trong giáo dục hiện nay.

2.1.2. Vai trò của dạy học trải nghiệm trong môn Khoa học tự nhiên

Môn Khoa học tự nhiên ở cấp trung học cơ sở có đặc trưng là gắn liền với các hiện tượng tự nhiên, quy luật khoa học và các ứng dụng thực tiễn. Do đó, việc tổ chức dạy học theo phương thức trải nghiệm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, thể hiện ở các khía cạnh sau:

Thứ nhất, dạy học trải nghiệm giúp học sinh hình thành tri thức khoa học một cách trực quan và bền vững. Thông qua các hoạt động như thí nghiệm, quan sát, mô phỏng hay thực hành, học sinh không chỉ tiếp nhận kiến thức một cách thụ động mà còn tự mình khám phá, từ đó hiểu sâu bản chất của vấn đề.

Thứ hai, phương pháp này góp phần phát triển năng lực khoa học cho học sinh, bao gồm năng lực tìm hiểu tự nhiên, năng lực thực hành thí nghiệm, năng lực giải quyết vấn đề và năng lực vận dụng

kiến thức vào thực tiễn. Đây là những năng lực cốt lõi mà chương trình giáo dục phổ thông mới hướng tới.

Thứ ba, dạy học trải nghiệm tạo điều kiện để học sinh rèn luyện kỹ năng mềm, như làm việc nhóm, giao tiếp, hợp tác và trình bày ý tưởng. Các hoạt động như dạy học dự án, nghiên cứu khoa học hay giải quyết tình huống thực tiễn giúp học

sinh phát triển toàn diện hơn.

Thứ tư, phương pháp này còn góp phần tăng hứng thú học tập, giúp học sinh chủ động, tích cực tham gia vào quá trình học tập, từ đó nâng cao hiệu quả dạy học.

2.2. Thực trạng sử dụng các phương pháp dạy học trải nghiệm

Bảng 1: Đánh giá của GV, HS về mức độ thực hiện và hiệu quả sử dụng các phương pháp trải nghiệm trong dạy học các môn Khoa học tự nhiên

TT	Phương pháp dạy học môn khoa học tự nhiên theo phương thức trải nghiệm	Mức độ thực hiện		Mức ý nghĩa	ĐTB		Mức ý nghĩa
		ĐTB			GV	HS	
		GV	HS				
1	Làm việc nhóm	4.00	3.58	0.00	3.95	3.91	0.77
2	Giải quyết vấn đề	3.95	3.47	0.00	3.85	3.73	0.27
3	Sắm vai	3.00	2.34	0.00	3.25	2.79	0.00
4	Trò chơi	3.46	2.99	0.01	3.54	3.32	0.14
5	Dạy học theo dự án	3.22	3.39	0.30	3.32	3.51	0.27
6	Tham gia nghiên cứu khoa học	3.05	2.89	0.40	3.20	3.14	0.76
7	Tình huống	3.51	2.94	0.07	3.51	3.19	0.03
8	Dạy học theo trạm	2.54	2.62	0.64	2.66	2.78	0.47
9	Dạy học theo hợp đồng	2.54	2.60	0.71	2.63	2.82	0.24
10	Luyện tập	4.02	3.88	0.30	3.95	3.95	0.97
11	Thí nghiệm	4.15	3.20	0.00	4.15	3.44	0.00
12	Quan sát	4.22	3.17	0.00	4.05	3.33	0.00
13	Trình bày trực quan	4.12	2.96	0.00	3.93	3.11	0.00
ĐTB		3.52	3.08		3.54	3.31	

Kết quả thống kê cho thấy: Các phương pháp trải nghiệm trong dạy học môn Khoa học tự nhiên được GV đánh giá diễn ra “Thường xuyên” (ĐTB là 3.52) và đạt hiệu quả “Khá” (ĐTB là 3.54). Trong khi đó, HS lại nhận xét mức độ thực hiện các phương pháp trải nghiệm nêu trên diễn ra ở mức “Bình thường” (ĐTB là 3.08) và đạt hiệu quả “Trung bình” (ĐTB là 3.31).

Kiểm định t – test cho thấy:

Không có sự khác biệt ý nghĩa trong đánh giá của GV và HS ở cả mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả (Các giá trị p lớn hơn 0.05) đối với các phương pháp sau: Dạy học theo dự án, Tham gia nghiên cứu khoa học, Dạy học theo trạm, Dạy học theo hợp đồng, Luyện tập. Cụ thể:

- Đối với phương pháp “Dạy học theo dự án”: Ở mức độ thực hiện, với ĐTB lần lượt là 3.22 và 3.39, cho thấy sự nhất trí trong đánh giá của GV và HS, phương pháp diễn ra ở mức “Bình thường”. Ở mức độ hiệu quả, GV cho biết phương pháp

này đạt hiệu quả “Trung bình” (ĐTB: 3.32) và HS đánh giá hiệu quả ở mức “Khá” (ĐTB: 3.95).

- Đối với phương pháp “Tham gia nghiên cứu khoa học”: GV và HS đều cho biết mức độ thực hiện của phương pháp này đạt mức “Bình thường” (ĐTB lần lượt là 3.05, 2.89) và mức độ hiệu quả đạt mức “Trung bình” (ĐTB lần lượt là 3.2, 3.14).

- Đối với phương pháp “Dạy học theo trạm” và “Dạy học theo hợp đồng”: Cả 2 phương pháp này được GV và HS nhất trí đánh giá ở mức “Ít thực hiện” (ĐTB dao động từ 2.54 đến 2.62) và đạt hiệu quả chỉ ở mức “Trung bình” (ĐTB dao động từ 2.63 – 2.82).

- Đối với phương pháp “Luyện tập”: GV và HS đồng tình đánh giá phương pháp này diễn ra ở mức “Thường xuyên” (ĐTB lần lượt là 4.02, 3.88) và hiệu quả đạt được ở mức “Khá” (ĐTB của GV và HS là 3.95)

- Có sự khác biệt ý nghĩa trong đánh giá của GV và HS về mức độ thực hiện và mức độ hiệu

quả (Các giá trị p từ 0.05 trở xuống) đối với các phương pháp sau: Thí nghiệm, Quan sát, Trình bày trực quan. GV đánh giá mức độ thực hiện và hiệu quả của các phương pháp này cao hơn so với đánh giá của HS. Cụ thể:

- Đối với phương pháp “Thí nghiệm”: GV cho biết phương pháp này được sử dụng “Thường xuyên” (ĐTB:4.15) và đạt hiệu quả “Khá” (ĐTB:4.15). Trong khi đó, HS lại cho rằng mức độ thực hiện của phương pháp này ở mức “Bình thường” (ĐTB: 3.20) và đạt hiệu quả “Khá” (ĐTB: 3.44). Đối với môn KHTN phần thí nghiệm là một phương pháp có thể được sử dụng rất nhiều trong quá trình dạy học. Có thể nhận định về tần suất thực hiện của GV và HS có khác nhau, nhưng hiệu quả của phương pháp này được nhất trí đánh giá ở mức “Khá”. Điều này cho thấy, GV cần rèn luyện để có thể sử dụng phương pháp một cách tốt nhất, mang lại hiệu suất dạy học trải nghiệm tối ưu nhất.

- Đối với phương pháp “Quan sát”: GV cho biết phương pháp này được sử dụng “Rất thường xuyên” (ĐTB: 4.22) và đạt hiệu quả “Khá” (ĐTB: 4.05). Trong khi đó, HS cho rằng GV sử dụng phương pháp này ở mức “Bình thường” (ĐTB: 3.17) và hiệu quả đạt được ở mức “Trung bình” (ĐTB: 3.33). Quan sát cũng là một phương pháp thường dùng nhiều trong khoa học tự nhiên, là cách thức mà GV tổ chức, hướng dẫn cho HS độc lập quan sát các sự vật, hiện tượng, từ đó rút ra các bài học, hình thành tri thức mới cho HS. Số liệu khảo sát cho thấy, HS chưa cảm nhận được sự hiện diện và hiệu quả của phương pháp này như GV đã đánh giá.

- Đối với phương pháp “Trình bày trực quan”: Đây là một phương pháp thuộc nhóm phương pháp dạy học trực quan, có mối quan hệ mật thiết, không thể tách rời với phương pháp “Quan sát”. “Trình bày trực quan” cũng là một trong các phương pháp được GV thường xuyên sử dụng trong việc tổ chức dạy học trải nghiệm môn KHTN. Trình bày trực quan là cách thức mà GV trình bày nội dung bài học dựa trên các phương tiện trực quan. Nếu như GV đánh giá phương pháp này diễn ra ở mức “Thường xuyên” và đạt hiệu quả “Khá” (ĐTB lần lượt là 4.12, 3.93), thì HS lại cho rằng phương pháp này diễn ra ở mức “Bình thường” và đạt hiệu quả “Trung bình” (ĐTB lần lượt là 2.96, 3.4).

Bên cạnh đó, để tìm hiểu sự tương quan giữa mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả của việc sử dụng các phương pháp trải nghiệm trong dạy học môn KHTN ở trường THCS, nhóm nghiên cứu đã sử dụng Hệ số tương quan Pearson. Kết quả được

trình bày qua Bảng.

Theo Bảng trên, có tương quan giữa mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả của việc sử dụng các phương pháp trải nghiệm trong dạy học môn KHTN ở trường THCS ở mức ý nghĩa 0.01. Điều đó chứng tỏ, nếu các phương pháp trải nghiệm trong dạy học môn KHTN diễn ra càng thường xuyên thì kết quả đạt được càng cao. Trị số tương quan thể hiện sự liên hệ cao, rất đáng tin cậy (0.80 > 0.834 > 1).

2.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng phương pháp dạy học theo phương thức trải nghiệm trong môn Khoa học tự nhiên

2.3.1. Biện pháp nâng cao năng lực tổ chức dạy học trải nghiệm của giáo viên

Đây là biện pháp mang tính quyết định, bởi giáo viên là chủ thể thiết kế và tổ chức toàn bộ quá trình dạy học. Kết quả nghiên cứu cho thấy mặc dù giáo viên đánh giá mức độ sử dụng các phương pháp trải nghiệm khá cao, nhưng học sinh lại cảm nhận ở mức thấp hơn. Điều này phản ánh một thực tế rằng việc tổ chức hoạt động trải nghiệm chưa thực sự phát huy được vai trò của người học.

Về cơ chế tác động, khi giáo viên có năng lực thiết kế hoạt động trải nghiệm tốt, các hoạt động học tập sẽ đảm bảo được các yêu cầu: có tính thực tiễn, kích thích tư duy, tạo cơ hội cho học sinh tham gia trực tiếp. Điều này giúp chuyển hóa quá trình “dạy học” thành “tổ chức hoạt động học”, từ đó nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức.

Tuy nhiên, để biện pháp này phát huy hiệu quả, cần đảm bảo một số điều kiện: Giáo viên được bồi dưỡng thường xuyên, liên tục; Có môi trường trao đổi chuyên môn trong tổ/nhóm; Có cơ chế đánh giá, khuyến khích đổi mới

Về mặt thực tiễn, nếu giáo viên chỉ dừng lại ở việc sử dụng phương pháp một cách hình thức (ví dụ: làm thí nghiệm nhưng học sinh không được trực tiếp thao tác), thì hiệu quả trải nghiệm sẽ không cao. Do đó, trọng tâm không phải là “có sử dụng” mà là “sử dụng như thế nào”.

2.3.2. Biện pháp đổi mới thiết kế hoạt động dạy học theo chu trình trải nghiệm

Một trong những hạn chế phổ biến hiện nay là việc tổ chức dạy học trải nghiệm chưa tuân theo một quy trình khoa học. Nhiều hoạt động được triển khai rời rạc, thiếu liên kết giữa trải nghiệm và khái quát hóa kiến thức.

Việc thiết kế bài học theo chu trình trải nghiệm (trải nghiệm – phản tư – khái quát – vận dụng) có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả dạy học. Khi đó: Hoạt động trải nghiệm giúp học

sinh tiếp xúc với vấn đề; Hoạt động phân tích giúp học sinh hiểu bản chất; Hoạt động khái quát giúp hình thành kiến thức; Hoạt động vận dụng giúp củng cố và mở rộng

Cơ chế tác động của biện pháp này nằm ở việc đảm bảo tính logic và tính liên tục trong quá trình nhận thức của học sinh. Nếu thiếu một trong các bước, đặc biệt là bước phân tư và khái quát, học sinh dễ rơi vào tình trạng “trải nghiệm mà không học được gì”.

Điều kiện thực hiện biện pháp này bao gồm: Giáo viên có kỹ năng thiết kế bài học; Thời lượng tiết học được phân bổ hợp lý; Nội dung bài học phù hợp với tổ chức trải nghiệm

2.3.3. Biện pháp tăng cường tổ chức hoạt động thí nghiệm và quan sát theo hướng chủ động hóa học sinh

Kết quả khảo sát cho thấy phương pháp thí nghiệm và quan sát được giáo viên sử dụng thường xuyên, nhưng học sinh lại đánh giá mức độ tham gia và hiệu quả thấp hơn. Điều này cho thấy vấn đề không nằm ở tần suất mà nằm ở cách thức tổ chức.

Trong nhiều trường hợp, thí nghiệm chỉ mang tính minh họa, giáo viên thực hiện còn học sinh quan sát thụ động. Điều này làm giảm giá trị trải nghiệm và hạn chế sự phát triển năng lực thực hành.

Do đó, cần chuyển từ “thí nghiệm biểu diễn” sang “thí nghiệm khám phá”, trong đó học sinh trực tiếp: Đặt giả thuyết; Thiết kế thí nghiệm; Tiến hành và quan sát; Rút ra kết luận

Cơ chế tác động của biện pháp này là tăng cường sự tham gia trực tiếp của học sinh, từ đó giúp hình thành kiến thức một cách sâu sắc và bền vững hơn.

Tuy nhiên, để thực hiện hiệu quả, cần đảm bảo: Có đủ thiết bị và dụng cụ thí nghiệm; Sĩ số lớp học phù hợp; Giáo viên có kỹ năng quản lý lớp học tốt

2.3.4. Biện pháp phát triển các hình thức dạy học trải nghiệm hiện đại (dự án, nghiên cứu khoa học)

Kết quả nghiên cứu cho thấy các phương pháp như dạy học dự án, nghiên cứu khoa học chưa được triển khai thường xuyên và hiệu quả chưa cao. Đây là một hạn chế lớn, bởi đây là những phương pháp có khả năng phát triển năng lực toàn

diện cho học sinh.

Dạy học theo dự án và nghiên cứu khoa học giúp học sinh: Vận dụng kiến thức liên môn; Phát triển tư duy sáng tạo; Nâng cao khả năng giải quyết vấn đề thực tiễn

Cơ chế tác động của biện pháp này nằm ở việc tạo ra môi trường học tập mở, nơi học sinh đóng vai trò là người nghiên cứu, khám phá. Tuy nhiên, đây cũng là phương pháp đòi hỏi cao về thời gian, công sức và năng lực tổ chức của giáo viên.

Để triển khai hiệu quả, cần: Lựa chọn chủ đề phù hợp với thực tiễn địa phương; Có sự hỗ trợ từ nhà trường và phụ huynh; Kết hợp với các hoạt động ngoại khóa

2.3.5. Biện pháp đổi mới kiểm tra, đánh giá theo định hướng trải nghiệm

Một trong những rào cản lớn đối với việc triển khai dạy học trải nghiệm là hình thức kiểm tra, đánh giá vẫn nặng về lý thuyết, chưa phản ánh đúng năng lực của học sinh.

Việc đổi mới đánh giá theo hướng trải nghiệm giúp: Khuyến khích học sinh tham gia hoạt động thực hành; Đánh giá toàn diện quá trình học tập; Tạo động lực cho đổi mới phương pháp dạy học

Cơ chế tác động thể hiện ở việc “đánh giá định hướng học tập”: khi cách đánh giá thay đổi, cách dạy và cách học cũng sẽ thay đổi theo.

Các hình thức đánh giá cần được áp dụng bao gồm: Đánh giá qua sản phẩm học tập (báo cáo, dự án); Đánh giá qua quá trình (quan sát, nhận xét); Tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng

Điều kiện thực hiện là giáo viên cần được tập huấn về phương pháp đánh giá mới, đồng thời có sự điều chỉnh từ phía nhà trường và cơ quan quản lý giáo dục.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy việc sử dụng dạy học trải nghiệm trong môn Khoa học tự nhiên đã được triển khai khá thường xuyên nhưng hiệu quả chưa đồng đều giữa giáo viên và học sinh.

Kết quả cũng khẳng định tần suất tổ chức hoạt động trải nghiệm có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả dạy học. Trên cơ sở đó, cần tăng cường đổi mới phương pháp, nâng cao năng lực giáo viên và hoàn thiện hình thức tổ chức nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- David A. Kolb (1984), *Experiential Learning: Experience as the Source of Learning and Development*, Prentice Hall.
 Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*, Hà Nội.
 Nguyễn Văn Cường (2019), *Đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực*, NXB Giáo dục Việt Nam.